

**ỦY BAN NHÂN DÂN
HUYỆN CỬ CHI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Số : 41893 /UBND-NV

Cử Chi, ngày 30 tháng 10 năm 2024

V/v triển khai Quyết định số
74/2024/QĐ-UBND ngày 12/10/2024
của Ủy ban nhân dân Thành phố

Kính gửi:

- Thủ trưởng các phòng, ban chuyên môn huyện;
- Thủ trưởng các đơn vị sự nghiệp thuộc huyện;
- Chủ tịch Ủy ban nhân dân các xã, thị trấn.

Căn cứ Quyết định số 74/2024/QĐ-UBND ngày 12 tháng 10 năm 2024 của Ủy ban nhân dân Thành phố về sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy chế quản lý và xét duyệt cán bộ, công chức và người lao động đi nước ngoài ban hành kèm theo Quyết định số 14/2022/QĐ-UBND ngày 19 tháng 4 năm 2022 của Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh.

Ủy ban nhân dân huyện có ý kiến chỉ đạo như sau:

- Đề nghị Thủ trưởng các phòng, ban chuyên môn, các đơn vị sự nghiệp thuộc huyện, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các xã, thị trấn nghiên cứu, triển khai Quyết định số 74/2024/QĐ-UBND ngày 12 tháng 10 năm 2024 của Ủy ban nhân dân Thành phố nêu trên đến toàn thể cán bộ, công chức, viên chức, người lao động tại cơ quan, đơn vị.

- Giao Phòng Giáo dục và Đào tạo huyện triển khai Quyết định nêu trên đến các đơn vị sự nghiệp giáo dục trên địa bàn huyện.

(Đính kèm Quyết định số 74/2024/QĐ-UBND ngày 12 tháng 10 năm 2024 của Ủy ban nhân dân Thành phố).

Đề nghị Thủ trưởng các phòng, ban chuyên môn, các đơn vị sự nghiệp thuộc huyện, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các xã, thị trấn nghiêm túc triển khai thực hiện./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu: VT,PNV.2.LTNNhung.



CHỦ TỊCH

Phạm Thị Thanh Hiền

18/06/2024
báo cáo
quản lý
chức vụ
mỹ lược

Độc lập

ỦY BAN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

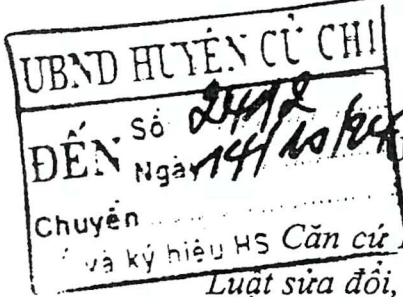
Số: 74 /2024/QĐ-UBND

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 12 tháng 10 năm 2024

Giao phó quản lý và xét duyệt
CHỦ TỊCH

QUYẾT ĐỊNH

Về sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy chế quản lý và xét duyệt
cán bộ, công chức, viên chức và người lao động đi nước ngoài ban hành
kèm theo Quyết định số 14/2022/QĐ-UBND ngày 19 tháng 4 năm 2022
của Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh



ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;
Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức
chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6
năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản
quy phạm pháp luật ngày 18 tháng 6 năm 2020;

Căn cứ Luật Cán bộ, công chức ngày 13 tháng 11 năm 2008;

Căn cứ Luật Viên chức ngày 15 tháng 11 năm 2010;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Cán bộ, công chức và
Luật Viên chức ngày 25 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Xuất cảnh, nhập cảnh của công dân Việt Nam ngày 22 tháng 11
năm 2019; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Xuất cảnh, nhập cảnh
của công dân Việt Nam và Luật Nhập cảnh, xuất cảnh, quá cảnh, cư trú của
người nước ngoài tại Việt Nam ngày 24 tháng 6 năm 2023;

Căn cứ Nghị quyết số 131/2020/QH14 ngày 16 tháng 11 năm 2020 của
Quốc hội về tổ chức chính quyền đô thị tại Thành phố Hồ Chí Minh;

Căn cứ Nghị quyết số 98/2023/QH15 ngày 24 tháng 6 năm 2023 của
Quốc hội về thi điểm một số cơ chế, chính sách đặc thù phát triển Thành phố
Hồ Chí Minh;

Căn cứ Nghị định số 45/2010/NĐ-CP ngày 21 tháng 4 năm 2010 của
Chính phủ quy định về tổ chức, hoạt động và quản lý hội; Nghị định số
33/2012/NĐ-CP ngày 13 tháng 4 năm 2012 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung
một số điều của Nghị định số 45/2010/NĐ-CP;

Căn cứ Nghị định số 24/2014/NĐ-CP ngày 04 tháng 4 năm 2014 của Chính phủ quy định tổ chức các cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương; Nghị định số 107/2020/NĐ-CP ngày 14 tháng 9 năm 2020 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 24/2014/NĐ-CP;

Căn cứ Nghị định số 34/2016/NĐ-CP ngày 14 tháng 5 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật; Nghị định số 154/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 34/2016/NĐ-CP;

Căn cứ Nghị định số 115/2020/NĐ-CP ngày 25 tháng 9 năm 2020 của Chính phủ quy định về tuyển dụng, sử dụng và quản lý viên chức; Nghị định số 85/2023/NĐ-CP ngày 07 tháng 12 năm 2023 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 115/2020/NĐ-CP;

Căn cứ Nghị định số 138/2020/NĐ-CP ngày 27 tháng 11 năm 2020 của Chính phủ quy định về tuyển dụng, sử dụng và quản lý công chức;

Căn cứ Nghị định số 159/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ về quản lý người giữ chức danh, chức vụ và người đại diện phần vốn nhà nước tại doanh nghiệp; Nghị định số 69/2023/NĐ-CP ngày 14 tháng 9 năm 2023 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 159/2020/NĐ-CP;

Căn cứ Nghị định số 33/2021/NĐ-CP ngày 29 tháng 3 năm 2021 của Chính phủ quy định chi tiết và biện pháp thi hành Nghị quyết số 131/2020/QH14 ngày 16 tháng 11 năm 2020 của Quốc hội về tổ chức chính quyền đô thị tại Thành phố Hồ Chí Minh;

Căn cứ Nghị định số 59/2024/NĐ-CP ngày 25 tháng 5 năm 2024 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 34/2016/NĐ-CP ngày 14 tháng 5 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật đã được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Nghị định số 154/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ;

Căn cứ Thông tư số 04/2020/TT-BNG ngày 25 tháng 9 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Ngoại giao hướng dẫn việc cấp, gia hạn, hủy giá trị sử dụng hộ chiếu ngoại giao, hộ chiếu công vụ và cấp công hàm đề nghị phía nước ngoài cấp thị thực;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Nội vụ tại Tờ trình số 3833/TTr-SNV ngày 30 tháng 5 năm 2024, Tờ trình số 5811/TTr-SNV ngày 05 tháng 8 năm 2024 và Tờ trình số 6401/TTr-SNV ngày 22 tháng 8 năm 2024; ý kiến thẩm định của Sở Tư pháp tại Báo cáo số 3118/BC-STP-KTrVB ngày 24 tháng 5 năm 2024, Công văn số 4730/STP-KTrVB ngày 25 tháng 7 năm 2024 và ý kiến thống nhất của các Thành viên Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy chế quản lý và xét duyệt cán bộ, công chức, viên chức và người lao động đi nước ngoài ban hành kèm theo Quyết định số 14/2022/QĐ-UBND ngày 19 tháng 4 năm 2022 của Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh

1. Sửa đổi, bổ sung điểm đ khoản 1 Điều 2 như sau:

“đ) Người làm việc theo chế độ hợp đồng lao động do cơ quan, đơn vị trực tiếp ký hợp đồng để thực hiện công tác hỗ trợ, phục vụ và người làm việc theo chế độ hợp đồng lao động để thực hiện công tác chuyên môn, nghiệp vụ theo quy định của pháp luật”.

2. Sửa đổi, bổ sung khoản 2 Điều 2 như sau:

“2. Các đối tượng đang công tác tại các doanh nghiệp do Nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ thuộc quyền sở hữu của Ủy ban nhân dân Thành phố hoặc tại các tổ chức kinh tế thuộc phạm vi quản lý của Ủy ban nhân dân Thành phố:

a) Chủ tịch, Thành viên Hội đồng thành viên; Chủ tịch công ty (đối với công ty không có Hội đồng thành viên); Chủ tịch Hội đồng quản trị, Thành viên Hội đồng quản trị.

b) Tổng Giám đốc, Phó Tổng Giám đốc; Giám đốc, Phó Giám đốc.

c) Trưởng Ban kiểm soát; Kiểm soát viên.

d) Kế toán trưởng”.

3. Bổ sung vào đoạn đầu Điều 3 như sau:

“Trong Quy chế này, các từ ngữ dưới đây được hiểu như sau:”

4. Bổ sung khoản 6 vào Điều 3 như sau:

“6. Người quản lý doanh nghiệp là các đối tượng được nêu tại khoản 2, khoản 3 và khoản 4 Điều 2 Quy chế này”.

5. Sửa đổi, bổ sung Điều 8 như sau:

“Điều 8. Thẩm quyền xét duyệt, quyết định cử, cho phép cán bộ, công chức, viên chức và người lao động đi nước ngoài

1. Đi nước ngoài về việc công từ 03 tháng trở lên:

a) Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố quyết định cử, cho phép đi nước ngoài đối với cán bộ, công chức, viên chức và người lao động đang giữ chức vụ, chức danh lãnh đạo, quản lý cấp sở và tương đương, cấp huyện và tương đương, người quản lý doanh nghiệp thuộc thẩm quyền bổ nhiệm, công nhận, phê chuẩn, cử, cử lại của Ủy ban nhân dân Thành phố, Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố.

b) Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố ủy quyền cho Giám đốc Sở Nội vụ quyết định cử, cho phép đi nước ngoài đối với các trường hợp còn lại.

2. Đi nước ngoài về việc công dưới 03 tháng:

a) Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố quyết định cử, cho phép đi nước ngoài đối với cán bộ, công chức, viên chức và người lao động đang giữ chức vụ, chức danh lãnh đạo, quản lý cấp sở và tương đương, cấp huyện và tương đương, người quản lý doanh nghiệp thuộc thẩm quyền bổ nhiệm, công nhận, phê chuẩn, cử, cử lại của Ủy ban nhân dân Thành phố, Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố.

b) Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố ủy quyền cho người đứng đầu các cơ quan chuyên môn, cơ quan hành chính khác thuộc Ủy ban nhân dân Thành phố, người đứng đầu đơn vị sự nghiệp công lập thuộc Ủy ban nhân dân Thành phố, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện quyết định cử, cho phép đi nước ngoài đối với cán bộ, công chức, viên chức và người lao động thuộc quyền quản lý và sử dụng; trừ thẩm quyền quy định tại điểm a khoản 2 Điều này.

c) Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố ủy quyền cho Giám đốc Sở Nội vụ quyết định cử, cho phép đi nước ngoài đối với các trường hợp còn lại, trừ thẩm quyền quy định tại điểm a và điểm b khoản 2 Điều này.

3. Đi nước ngoài về việc công theo đoàn:

a) Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố quyết định cử, cho phép đi nước ngoài về việc công theo đoàn có người của từ 02 cơ quan, đơn vị trở lên mà có thành viên tham gia là cán bộ, công chức, viên chức và người lao động đang giữ chức vụ, chức danh lãnh đạo, quản lý cấp sở và tương đương, cấp huyện và tương đương, người quản lý doanh nghiệp thuộc thẩm quyền bổ nhiệm, công nhận, phê chuẩn, cử, cử lại của Ủy ban nhân dân Thành phố, Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố.

b) Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố ủy quyền cho Giám đốc Sở Nội vụ quyết định cử, cho phép đi nước ngoài đối với các đoàn đi nước ngoài về việc công của từ 02 cơ quan, đơn vị trở lên còn lại.

c) Trường hợp cần thiết thành lập đoàn đi nước ngoài về việc công của 01 cơ quan, đơn vị thì cấp có thẩm quyền xét duyệt đi nước ngoài đối với cá nhân được phân công làm trưởng đoàn theo khoản 2 Điều này là cấp có thẩm quyền quyết định cử, cho phép đoàn đi nước ngoài.

4. Đi nước ngoài về việc riêng có thư mời đích danh:

Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố quyết định cho phép đi nước ngoài về việc riêng nhưng có thư mời đích danh hoặc do trúng thưởng chương trình khuyến mãi, chương trình tưởng thưởng của các cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp trong nước và ngoài nước đối với tất cả đối tượng cán bộ, công chức, viên chức và người lao động.

5. Đi nước ngoài về việc riêng không có thư mời đích danh:

a) Trường hợp đi nước ngoài từ 03 tháng trở lên: Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố quyết định đối với tất cả đối tượng cán bộ, công chức, viên chức và người lao động.

b) Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố quyết định cho phép đi nước ngoài từ 01 ngày đến dưới 03 tháng đối với cán bộ, công chức, viên chức và người lao động đang giữ chức vụ, chức danh lãnh đạo, quản lý cấp sở và tương đương, cấp huyện và tương đương, người quản lý doanh nghiệp thuộc thẩm quyền bổ nhiệm, công nhận, phê chuẩn, cử, cử lại của Ủy ban nhân dân Thành phố, Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố.

c) Giám đốc Sở Nội vụ quyết định cho phép đi nước ngoài từ 01 ngày đến dưới 03 tháng đối với cán bộ, công chức, viên chức và người lao động đang giữ chức vụ, chức danh lãnh đạo, quản lý thuộc thẩm quyền bổ nhiệm, công nhận, phê chuẩn của Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố còn lại.

d) Người đứng đầu cơ quan, đơn vị quyết định cho phép đi nước ngoài từ 01 ngày đến dưới 03 tháng đối với cán bộ, công chức, viên chức và người lao động thuộc quyền quản lý và sử dụng, trừ thẩm quyền quy định tại điểm b và c khoản 5 Điều này.

6. Quyết định cho phép đi nước ngoài về việc công quá 02 lần trong 01 năm:

a) Việc cho phép đi nước ngoài về việc công quá 02 lần trong 01 năm do cấp có thẩm quyền xét duyệt đi nước ngoài về việc công đối với cán bộ, công chức, viên chức và người lao động quyết định và chịu trách nhiệm.

b) Trường hợp cán bộ, công chức, viên chức và người lao động phải đi nước ngoài về việc công nhiều lần trong năm để thực hiện nhiệm vụ có tính chất thường xuyên, liên tục, định kỳ theo chương trình, kế hoạch, yêu cầu của cơ quan, đơn vị thì chỉ cần trình cấp có thẩm quyền xem xét, chấp thuận 01 lần. Văn bản chấp thuận được sử dụng trong toàn bộ thời gian còn lại đến khi kết thúc nhiệm vụ và có giá trị đến hết ngày 31 tháng 12 năm đó.

7. Việc quyết định cử, cho phép cán bộ, công chức, viên chức và người lao động đi nước ngoài phải được thể hiện bằng văn bản và theo các mẫu ban hành kèm theo Quy chế này”.

6. Sửa đổi điểm đ khoản 2 Điều 11 như sau:

“đ) Trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày nhập cảnh Việt Nam sau khi kết thúc chuyến đi, gửi bản sao của hộ chiếu cho cấp ra quyết định và cơ quan chủ quản để quản lý, theo dõi”.

7. Sửa đổi điểm a khoản 2 Điều 14 như sau:

“a) Văn bản đề nghị xét duyệt đi nước ngoài về việc riêng có thư mời đích danh do người đứng đầu cơ quan, đơn vị ký ban hành và có đủ các nội dung: mục đích chuyến đi; nội dung chuyến đi; thời điểm đi nước ngoài và trở về Việt Nam; nguồn kinh phí và cơ quan, tổ chức tài trợ, chi trả”.

8. Sửa đổi khoản 2 Điều 15 Quy chế như sau:

“2. Thời gian nộp hồ sơ xin xét duyệt đi nước ngoài về việc riêng không có thư mời đích danh:

a) Cơ quan, đơn vị nộp đầy đủ hồ sơ theo Quy chế này về Sở Nội vụ trước 15 ngày làm việc, kể từ ngày cán bộ, công chức, viên chức và người lao động xin nghỉ đi nước ngoài.

b) Sở Nội vụ có trách nhiệm thẩm định và nộp đầy đủ hồ sơ theo Quy chế này về Văn phòng Ủy ban nhân dân Thành phố trong 07 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ đầy đủ và hợp lệ.

c) Văn phòng Ủy ban nhân dân Thành phố rà soát và trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố xem xét, quyết định không quá 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ đầy đủ và hợp lệ”.

9. Bổ sung khoản 3 vào Điều 15 Quy chế như sau:

“3. Đi nước ngoài về việc riêng có thư mời đích danh:

a) Cơ quan, đơn vị nộp đầy đủ hồ sơ theo quy định tại điểm a, b, c, d, đ và e khoản 2 Điều 14 Quy chế này về Sở Nội vụ trước 30 ngày làm việc, kể từ ngày cán bộ, công chức, viên chức và người lao động xin nghỉ đi nước ngoài.

b) Công an Thành phố thực hiện xác minh về mặt an ninh đối với hồ sơ theo đề nghị của Sở Nội vụ không quá 15 ngày làm việc. Sau thời hạn này mà không có văn bản xác minh thì xem như hồ sơ đã đảm bảo đủ điều kiện về mặt an ninh để tiếp tục thực hiện quy trình xét duyệt.

c) Sở Nội vụ có trách nhiệm thẩm định và nộp đầy đủ hồ sơ về Văn phòng Ủy ban nhân dân Thành phố trong 07 ngày làm việc kể từ ngày nhận được đầy đủ hồ sơ theo khoản 2 Điều 14 Quy chế này. Trường hợp sau 15 ngày làm việc theo điểm b khoản 3 Điều này mà không có Phiếu xác minh của Công an Thành phố thì phải nêu rõ lý do trong văn bản trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố.

d) Văn phòng Ủy ban nhân dân Thành phố rà soát và trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố xem xét, quyết định không quá 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ đầy đủ và hợp lệ”.

10. Sửa đổi khoản 4 Điều 20 Quy chế như sau:

“4. Công an Thành phố:

a) Thẩm tra, xác minh và có ý kiến về mặt an ninh đối với các trường hợp đi nước ngoài về việc riêng theo đề nghị của Sở Nội vụ.

b) Trường hợp cần thiết, có văn bản báo cáo Ủy ban nhân dân Thành phố trước khi đi nước ngoài đối với nhân sự có vấn đề về chính trị, có dấu hiệu vi phạm pháp luật”.

Điều 2. Bãi bỏ khoản 1 Điều 6 của Quy chế quản lý và xét duyệt cán bộ, công chức, viên chức và người lao động đi nước ngoài ban hành kèm theo Quyết định số 14/2022/QĐ-UBND ngày 19 tháng 4 năm 2022 của Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh

Bãi bỏ khoản 1 Điều 6 của Quy chế quản lý và xét duyệt cán bộ, công chức, viên chức và người lao động đi nước ngoài ban hành kèm theo Quyết định số 14/2022/QĐ-UBND.

Điều 3. Thay thế các biểu mẫu của Quy chế quản lý và xét duyệt cán bộ, công chức, viên chức và người lao động đi nước ngoài ban hành kèm theo Quyết định số 14/2022/QĐ-UBND ngày 19 tháng 4 năm 2022 của Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh

Thay thế các biểu mẫu Mẫu số 1, Mẫu số 2, Mẫu số 3 bằng các biểu mẫu Mẫu số 1, Mẫu số 2, Mẫu số 3 ban hành kèm theo Quyết định này.

Điều 4. Điều khoản thi hành

1. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 25 tháng 10 năm 2024.
2. Trường hợp căn cứ pháp lý liên quan đến nội dung ủy quyền, đối tượng nhận ủy quyền và phạm vi ủy quyền nêu tại khoản 5 Điều 1 Quyết định này có thay đổi thì thực hiện theo quy định pháp luật hiện hành.
3. Đối với các trường hợp đã hoàn thiện hồ sơ và đã gửi cấp có thẩm quyền đề nghị xét duyệt đi nước ngoài trước ngày Quyết định này có hiệu lực thi hành thì thực hiện theo quy định trước đây.

Điều 5. Trách nhiệm tổ chức thực hiện

Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh, Giám đốc Sở Nội vụ, Giám đốc Công an Thành phố Hồ Chí Minh, Thủ trưởng các sở, ban, ngành Thành phố Hồ Chí Minh, Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận, huyện, thành phố thuộc Thành phố Hồ Chí Minh, Tổng Giám đốc, Giám đốc các Tổng Công ty, Công ty TNHH Một thành viên do Nhà nước làm chủ sở hữu thuộc Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh quản lý; Người đứng đầu các tổ chức kinh tế thuộc phạm vi quản lý của Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh, Người đứng đầu các hội có tính chất đặc thù hoạt động trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh, Thủ trưởng các cơ quan, tổ chức và cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 4;
- Bộ Nội vụ;
- Vụ Pháp chế - Bộ Nội vụ;
- Cục Kiểm tra VBQPPL - Bộ Tư pháp;
- Thường trực Thành ủy;
- Thường trực HĐND Thành phố;
- TTUB: CT, các PCT;
- UBND TP và các tổ chức CT-XH;
- VP Thành ủy và các Ban Thành ủy;
- VP Đoàn ĐBQH và HĐND Thành phố;
- Sở Tư pháp, Sở Nội vụ (2b);
- VPUB: Các PCVP; các Phòng NCTH, HC-TC;
- Trung tâm Công báo;
- Lưu: VT, (VX/Phụ).

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**



Phan Văn Mãi